

Bản án số: 03/2025/KDTM-ST

Ngày: 14- 02-2025.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP R

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Loan - Thẩm phán
- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Lệ Nga
2. Bà Trần Thị Lệ
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân TP R.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP R thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 60/2024/TLST- KDTM ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam**

Địa chỉ: Số 180 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT Viettin Bank.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh Kha – Giám đốc Viettin Bank chi nhánh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Minh Kha: Ông Quách Thanh Phương, sinh năm 1975 – Phó phòng tổ chức tổng hợp (Có mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số 1148/UQ-CNKG-TCTH ngày 30/8/2024)

- Bị đơn:

1/. Ông **Trần Thanh N**, sinh năm 1974 (Có đơn xin vắng mặt)

2/. Bà **Quách Cẩm X**- Chủ hộ kinh doanh Nhà trọ Cẩm X, sinh năm 1975. (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Số 222, Khu phố 5, TT. Thứ Ba, huyện B, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông **Quách Vạn N**, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt)

2/. Bà **Phan Thu A**, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Số 370, Khu phố 5, TT. Thứ Ba, huyện B, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Quách Thanh Phương trình bày:** Ông Trần Thanh N và bà Quách Cẩm X – Chủ hộ kinh doanh nhà trọ Cẩm X cùng với Ngân hàng TMCP Công Thương ký kết các hợp đồng cấp tín dụng như sau:

1. Hợp đồng cho vay hạn mức số 22290161/2022/HĐCVHM/NHCT840 ngày 28/10/2022 cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 đồng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán nông, thủy hải sản.
- Ngày giải ngân: Giấy nhận nợ số 07 ngày 20/10/2023 số tiền 1.500.000.000 đồng, Giấy nhận nợ số 08 ngày 27/10/2023 số tiền 3.300.000.000 đồng
- Thời hạn vay: 06 tháng.
- Lãi suất cho vay: 8,5%/năm.

2. Hợp đồng cho vay số 23290215/2023/HĐCV/NHCT840 ngày 23/8/2023 cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng
- Mục đích vay: Bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, nuôi tôm).
- Ngày giải ngân: Giấy nhận nợ số 01 ngày 23/8/2023 số tiền 1.500.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Lãi suất cho vay: 9%/năm.

3. Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/12/2022: Hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.

Các hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bởi Hợp đồng thế chấp số 21290071/2021/HĐBĐ/NHCT840 ngày 26/10/2021 và số 21290072/2021/HĐBĐ/NHCT840 ngày 28/10/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công Thương với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tài sản thế chấp gồm có:

+ QSD đất tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 132-2021, địa chỉ Khu phố 5, TT. Thứ Ba, huyện B, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất số DB276776, sổ vào sổ cấp GCN: CS181581 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/8/2021 đứng tên ông Quách Vạn N.

+ QSD đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 262-2019, địa chỉ Khu phố 5, TT. Thứ Ba, huyện B, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV766476, sổ vào sổ cấp GCN: CS145789 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 18/6/2020 đứng tên ông Quách Vạn N.

+ QSD đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 4, địa chỉ Khu phố 5, TT. Thứ Ba, huyện B, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 102422, sổ vào sổ cấp GCN: CH00044 do UBND huyện B cấp ngày 17/3/2015 đứng tên bà Quách Cẩm X.

Tính đến ngày 14/02/2025 ông Trần Thanh N và bà Quách Cẩm X còn nợ Ngân hàng Công Thương VN tổng số tiền nợ gốc là 6.425.493.522 đồng, tổng số tiền nợ lãi là 728.752.434 đồng (lãi trong hạn 512.350.983 đồng, lãi quá hạn 216.301.451 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 7.154.245.956 đồng cụ thể là:

- Hợp đồng cho vay số 23290215/2023/HĐCV/NHCT840 ngày 23/8/2023 là 1.667.236.703 đồng bao gồm nợ gốc: 1.500.000.000 đồng, nợ lãi: 167.236.703 đồng.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 22290161/2022/HĐCVHM/NHCT840 ngày 28/10/2022 là 5.343.052.585 đồng bao gồm nợ gốc: 4.800.000.000 đồng, nợ lãi: 543.052.585 đồng,

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 7/12/2022 là 143.956.667 đồng bao gồm nợ gốc: 125.493.522 đồng, nợ lãi: 18.463.145 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam yêu cầu ông Trần Thanh N và bà Quách Cẩm X phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 7.154.245.956 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 15/02/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận giữa Ngân hàng và khách hàng khi ký kết hợp đồng tín dụng. Trường hợp ông Trần Thanh N và bà Quách Cẩm X không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng thì ngân hàng yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

*** Tại bản tự khai ngày 16/01/2025 bị đơn bà Quách Cẩm X trình bày:** Vào ngày 28/10/2022 tôi có vay thế chấp tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh B số tiền 6.300.000.000 đồng. Tôi thế chấp cho Ngân hàng 03 tài sản trong đó có 01 tài sản đứng tên Trần Thanh N và Quách Cẩm X, còn 02 tài sản tên Quách Vạn N và Phan Thu A.

Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa đủ điều kiện trả cho Ngân hàng. Nay tôi xin Ngân hàng cho tôi thời gian 06 tháng tôi sẽ thanh toán hết số tiền gốc và lãi của Ngân hàng.

Tại phiên tòa ông Trần Thanh N và bà Quách Cẩm X có đơn xin vắng mặt.

*** Tại bản tự khai ngày 11/01/2025 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quách Vạn N và bà Phan Thu A trình bày:** Vào khoản năm 2022 vợ chồng tôi có cho em ruột là bà Quách Cẩm X và ông Trần Thanh N mượn 02 giấy chứng nhận QSD đất thuộc quyền sở hữu của hai vợ chồng tôi để vay vốn tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Vụ kiện đang được Tòa án thụ lý giải quyết tôi yêu cầu bà Quách Cẩm X và ông Trần Thanh N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay của Ngân hàng, để trả lại 02 Giấy chứng nhận QSD đất của vợ chồng cho mượn. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm. Nếu bà Quách Cẩm X và ông Trần Thanh N không có khả năng thanh toán số tiền mình đã vay thì nhờ các cơ quan có thẩm quyền thanh lý tài sản của bà Quách Cẩm X và ông Trần Thanh N trước để thu hồi khoản vay, khi nào giá trị tài sản của bà Quách Cẩm X và ông Trần Thanh N không đủ thì mới thanh lý tài sản của vợ chồng tôi cho mượn.

Tại phiên tòa ông Quách Vạn N và bà Phan Thu A có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Trần Thanh N, bà Quách Cẩm X là chủ hộ kinh doanh nhà trọ Cẩm X trả số tiền nợ vay, nợ lãi phát sinh và xử lý tài sản thế chấp. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP R.

Đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho họ theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ Hợp đồng cho vay số 23290215/2023/HĐCV/NHCT840 ngày 23/8/2023 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang với bên vay là bà Quách Cẩm X và ông Trần Thanh N thể hiện thời hạn cho vay là 12 tháng, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, mục đích vay vốn bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Ông Trần Thanh N đã ký kết giấy nhận nợ số 01 ngày 23/8/2023 nhận nợ số tiền gốc 1.500.000.000 đồng.

Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số 22290161/2022/HĐCVHM/NHCT840 ngày 28/10/2022, được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

chi nhánh Kiên Giang với bên vay là bà Quách Cẩm X là chủ hộ kinh doanh nhà trọ Cẩm X thể hiện thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 28/10/2022 đến hết ngày 28/10/2023, hạn mức 5.000.000.000 đồng, mục đích vay vốn bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán nông, thủy sản. Bà Quách Cẩm X đã ký kết 02 giấy nhận nợ số 07 ngày 20/10/2023 nhận nợ số tiền gốc 1.500.000.000 đồng và giấy nhận nợ số 08 ngày 27/10/2023 nhận nợ số tiền gốc 3.300.000.000 đồng.

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 7/12/2022 được ký kết giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Kiên Giang với bà Quách Cẩm X, hạn mức tín dụng 150.000.000 đồng.

Qua xem xét bảng kê lịch trả nợ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thì bà X và ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và đến ngày 02/5/2024 toàn bộ số nợ đã chuyển sang quá hạn. Do vậy, bà X và ông N đã vi phạm Điều 3 của Hợp đồng tín dụng nên ngân hàng khởi kiện là đúng quy định tại Điều 7 Hợp đồng tín dụng.

Tại các Thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, các biên bản làm việc giữa ngân hàng với bà X và ông N cũng như tại bản tự khai bà X đều thừa nhận số tiền gốc và lãi theo như bản kê tính lãi của ngân hàng, đồng thời xin được gia hạn trong thời gian 6 tháng, nhưng phía ngân hàng không đồng ý. Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ. Do đó, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 299, 319, 323, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà X và ông N có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam số tiền nợ gốc là 6.425.493.522 đồng, số tiền nợ lãi là 728.752.434 đồng (lãi trong hạn 512.350.983 đồng, lãi quá hạn 216.301.451 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 7.154.245.956 đồng.

Ngoài ra, bà X và ông N còn có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15-02-2025 cho đến khi tất toán xong nợ gốc.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21290072/2021/HĐBĐ/NHCT840 ngày 28/10/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và ông Trần Thanh N, bà Quách Cẩm X và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21290071/2021/HĐBĐ/NHCT840 ngày 26/10/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và ông Quách Vạn N, bà Phan Thu A; Các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được công chứng và đăng ký tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật thì bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đồng ý thế chấp tài sản để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi và các khoản phải trả khác theo các hợp đồng cấp tín dụng và các thỏa thuận khác đã ký kết với Ngân hàng TMCP

Công Thương Việt Nam. Tại biên bản làm việc ngày 08/7/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và bà Quách Cẩm X về việc xác nhận số tiền nợ gốc và nợ lãi cũng như tài sản thế chấp, bà X cam kết đến ngày 20/7/2024 sẽ thanh toán số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, nếu không thực hiện đúng cam kết sẽ đồng ý giao tài sản cho Ngân hàng xử lý theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tại biên bản làm việc ngày 04/7/2024 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và ông Quách Vạn N, bà Phan Thu A về việc xác nhận tài sản thế chấp để bảo đảm cho bà X vay vốn tại Ngân hàng, ông N và bà A yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản của bà X để thu hồi nợ trước, nếu trường hợp không đủ thì mới xử lý tài sản của chúng tôi. Do đó, trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

- Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án,

Bà Quách Cẩm X và ông Trần Thanh N phải nộp án phí số tiền 215.084.919 đồng {112.000.000 đồng + (2% x 5.154.245.956 đồng)}.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 57.370.000 đồng theo biên lai thu số 0007890, ngày 10-12-2024 của chi cục thi hành án dân sự TP R.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, Điều 233; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 299, 319, 323, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Trần Thanh N, bà Quách Cẩm X – Chủ hộ kinh doanh nhà trọ Cẩm X.

2. Buộc ông Trần Thanh N, bà Quách Cẩm X – Chủ hộ kinh doanh nhà trọ Cẩm X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương số tiền nợ gốc là 6.425.493.522 đồng, số tiền nợ lãi là 728.752.434 đồng (lãi trong hạn 512.350.983 đồng, lãi quá hạn 216.301.451 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 7.154.245.956 đồng (Bảy tỷ một trăm năm

mười bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm ngàn chín trăm năm mươi sáu đồng) trả khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Đồng thời bà X và ông N còn có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15-02-2025 cho đến khi tất toán xong nợ gốc.

4. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà X và ông N không trả số tiền nợ nêu trên, thì Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng. Tài sản thế chấp gồm có:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 132-2021, địa chỉ Khu phố 5, TT. Thới Ba, huyện B, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB276776, số vào sổ cấp GCN: CS181581 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 26/8/2021 đứng tên ông Quách Vạn N.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 262-2019, địa chỉ Khu phố 5, TT. Thới Ba, huyện B, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV766476, số vào sổ cấp GCN: CS145789 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 18/6/2020 đứng tên ông Quách Vạn N.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 4, địa chỉ Khu phố 5, TT. Thới Ba, huyện B, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 102422, số vào sổ cấp GCN: CH00044 do UBND huyện B cấp ngày 17/3/2015 đứng tên bà Quách Cẩm X.

5. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Quách Cẩm X và ông Trần Thanh N phải nộp án phí số tiền 215.084.919 đồng {112.000.000 đồng + (2% x 5.154.245.956 đồng)}.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được hoàn trả tiền tạm ứng án phí 57.370.000 đồng theo biên lai thu số 0007890, ngày 10-12-2024 của chi cục thi hành án dân sự TP R.

6. Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân TP R;*
- *Chi cục thi hành án dân sự TP R;*
- *Các đương sự ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Loan